

Số: 36../TB-TĐT

Krông Năng, ngày 23 tháng 02 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc Cấp phát chế độ chính sách của học sinh
Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021
của học kỳ I năm học 2021 – 2022

- Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính Phủ về quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Căn cứ Thông báo thu nhận hồ sơ chế độ chính sách học sinh học kỳ I năm học 2021-2022. Nay nhà trường thông báo đến học sinh thuộc chế độ chính sách Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 về tại phòng Văn thư nhà trường nhận tiền chế độ chính sách như sau:

1. Thời gian nhận chế độ chính sách vào ngày: **thứ 5 và thứ 6 ngày (ngày 01 đến ngày 02 tháng 3 năm 2024)**

Buổi sáng từ: 7h30 đến 10h45p

Buổi chiều từ: 13h30 đến 16h30

2. Đối tượng học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của học kỳ I năm học 2021 - 2022 (có danh sách kèm theo).

Học sinh khi đi nhận chế độ chính sách mang theo CCCD để đối chiếu thông tin. Phải có giấy tờ minh chứng theo quy định của pháp luật khi không trực tiếp đến nhận tiền chế độ chính sách ủy quyền cho người thân đi nhận thay.

Nếu sau thời gian trên học sinh không đến nhận tiền chế độ chính sách nhà trường sẽ chuyển trả về Ngân sách Nhà nước.

Trên đây là Thông báo Về việc Nhận tiền chế độ chính sách của học sinh thuộc Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của học kỳ I năm học 2021-2022.

Đề nghị các đồng chí GVCN năm học 2021-2022 , học sinh, PHHS nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo, BDDCMHS trường
- Trưởng các tổ chức đoàn thể;
- GVCN: Phổ biến cho HS và PHHS;
- Toàn thể CB, GV - CNV: qua email, Website;
- Niêm yết tại các bảng tin và đăng tải lên Website;
- Lưu VT.



Lê Hữu Hải

DANH SÁCH HỌC SINH HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP NĂM HỌC 2021- 2022
HỌC KỲ I

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên HS được hỗ trợ chi phí học tập	Lớp	Con ông (bà)	Số tháng được hỗ trợ	Số tiền được hỗ trợ	Ký nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng cộng			1688	253,200,000	
A	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ			192	28,800,000	
1	Phạm Thị Ngọc Hiền	10A1	Phạm Bá Nhân	4	600,000	
2	Trần Minh Huy	10A1		4	600,000	
3	Lê Thị Quý	10A2	Đỗ Công Nhung	4	600,000	
4	Nông Thị Tuyết	10A2	Nông Văn Cứu	4	600,000	
5	Hoàng Tuấn Anh	10A3	Hoàng Anh Tuấn	4	600,000	
6	Nguyễn Thị Thanh Thảo	10A3	Triệu Thị Liệu	4	600,000	
7	Vì Đình Lệ Uyên	10A3	Đình Thăng Long	4	600,000	
8	Mông Thị Dung	10A3	Mông Văn Cống	4	600,000	
9	Đoàn Nguyễn Thanh Hoàn	10A3	Đoàn Thanh Phi	4	600,000	
10	Vi Văn Thành	10A3	Vi Văn Thế	4	600,000	
11	Hoàng Thị Ngọc Bích	10A4	Hoàng Văn Báo	4	600,000	
12	Vi Văn Chiến	10A4	Vi Văn Hòa	4	600,000	
13	Lục Văn Khuyến	10A4	Lục Văn Toàn	4	600,000	
14	Lương Thị Liên	10A4	Lương Văn Bì	4	600,000	
15	Hà Đức Hồng	10A4	Hà Văn Nhật	4	600,000	
16	Đình Ngọc Hoàn	10A5	Đình Văn Đồng	4	600,000	
17	Khay Thị Huệ	10A5	Khay Văn Lâm	4	600,000	
18	Vi Văn Tuất	10A5	Vi Văn Mão	4	600,000	
19	Nguyễn Thị Phương Thảo	10A6	Nguyễn Thị Hương	4	600,000	
20	Đình Nữ Phong Sương	10A6	Đình Thị Hà	4	600,000	
21	Nguyễn Út Nhân	10A7	Nguyễn Văn Trinh	4	600,000	

22	Vũ Đình Phước	10A7	Vũ Đình Phúc	4	600,000	
23	Ngân Văn Chung	10A7	Ngân Văn Cư	4	600,000	
24	Nông Thị Thu Hà	10A7	Nông Văn Giang	4	600,000	
25	Hà Công Vinh	10A8	Hà Văn Tin	4	600,000	
26	Lục Thị Thúy	10A8	Lục Văn Sơn	4	600,000	
27	Nguyễn Thị Thùy Dương	11B1	Nguyễn Thị Hào	4	600,000	
28	Hà Thị Thùy Linh	11B1	Hà Văn Ươm	4	600,000	
29	Võ Thị Thu Quyên	11B1	Lê Thị Loan	4	600,000	
30	Phạm Thị Quỳnh	11B2	Phạm Bá Cầm	4	600,000	
31	Đoàn Nguyễn Tất Như	11B3	Đoàn Tư	4	600,000	
32	Hà Thị Hương Sen	11B3	Hà Văn Huy	4	600,000	
33	Nguyễn Quang Duy	11B3	Nguyễn Thị Nhuận	4	600,000	
34	Tô Thị Hương	11B3	Tô Văn Nhâm	4	600,000	
35	H' Nan Mlô	11B4	Y Yùng Ađrong	4	600,000	
36	Trần Thế Thắng	11B4	Trần Văn Khang	4	600,000	
37	Đinh Anh Tú	11B5	Đinh Minh Khánh	4	600,000	
38	Bùi Phước Hoàng Huy	11B5	Bùi Phước Hòa	4	600,000	
39	Phạm Thị Hưng	11B6	Phạm Văn Hòa	4	600,000	
40	Đàm Thảo Quỳnh Lan	11B6	Đàm Văn Tám	4	600,000	
41	Triệu Thị Thanh	11B6	Triệu Văn Sâm	4	600,000	
42	Đinh Tiến Dũng	11B6	Đinh Xuân Đào	4	600,000	
43	Huỳnh Thế Quang	12C1	Huỳnh Văn Hồng	4	600,000	
44	Triệu Thị Thương	12C2	Triệu Văn Sâm	4	600,000	
45	Hồ Thị Huyền Trang	12C3	Hà Văn Yêm	4	600,000	
46	Sống A Hồ	12C3	Sống A Chu	4	600,000	
47	Lê Thị Vương Hiền	12C5	Lê Thị Lộ	4	600,000	
48	Nguyễn Phước Thị Sương	12C5	Nguyễn Đình Kim	4	600,000	
A	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở GDTX theo chương trình giáo dục phổ thông ở thôn/bán đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.			1496	224,400,000	
1	Hoàng Thị Lệ Nga	10A1	Hoàng Văn Cường	4	600,000	

	Nông Thị Huệ	10A1	Nông Văn Tiếp	4	600,000	
	Trần Thị Anh Thư	10A1	Trần Công Thắng	4	600,000	
4	Đinh Thị Minh Trang	10A1	Đinh Văn Nam	4	600,000	
5	Lê Thị Yến	10A1	Lê Viết Quyền	4	600,000	
6	Trần Thị Thanh Hậu	10A1	Trần Đình Hoàng	4	600,000	
7	Ngô Chí Vỹ	10A1	Ngô Văn Thuận	4	600,000	
8	Vũ Ngọc Bảo Ngân	10A1	Vũ Xuân Bằng	4	600,000	
9	Lê Tuấn Anh	10A1	Lê Anh Tuấn	4	600,000	
10	Bùi Thị Ngọc Dung	10A1	Bùi Viết Dũng	4	600,000	
11	Lưu Xuân Vũ	10A1	Lưu Xuân Đương	4	600,000	
12	Đinh Ngọc Kiều Trinh	10A1	Đinh Huyền	4	600,000	
13	Đỗ Thị Tú Uyên	10A1	Đỗ Văn Ngữ	4	600,000	
14	Vũ Thị Huyền Trang	10A1	Vũ Mạnh Hùng	4	600,000	
15	Đinh Thị Thanh Ngân	10A1	Đinh Văn Khôi	4	600,000	
16	Dương Thị Diễm Quỳnh	10A1	Dương Văn Dũng	4	600,000	
17	Dương Thị Phương Linh	10A1	Dương Văn Sanh	4	600,000	
18	Trịnh Hoàng Đình Hiếu	10A1	Trịnh Đình Thanh	4	600,000	
19	Nông Quốc Chung	10A2	Nông Văn Anh	4	600,000	
20	Mã Thị Liễu	10A2	Mã Văn Tiến	4	600,000	
21	H Nhung Niê	10A2	H Đăm Niê	4	600,000	
22	Nông Thị Diễm Quỳnh	10A2	Nông Thị Lý	4	600,000	
23	Ngân Đức Thắng	10A2	Ngân Văn Giáo	4	600,000	
24	Phạm Thu Thủy	10A2	Phạm Văn Triều	4	600,000	
25	Ma Đức Diệp	10A2	Ma Văn Quang	4	600,000	
26	Bùi Đình Vũ	10A2	Bùi Đình Hà	4	600,000	
27	Cao Yến Đan Uyn	10A2	Cao Như Nguyên	4	600,000	
28	Trần Thị Thu Hà	10A2	Trần Đình Thi	4	600,000	
29	Đinh Nữ Trà My	10A2	Đinh Minh Thư	4	600,000	
30	Nguyễn Bá Dũng	10A2	Nguyễn Thanh	4	600,000	
31	Nguyễn Tài Đức	10A2	Ngân Thị Giới	4	600,000	
32	Hoàng Văn Nhật	10A2	Hoàng Thị Kiều Vân	4	600,000	

33	Dương Trương Triệu Thu	10A2	Dương Tùng Bách	4	600,000	
34	Lê Hoàng Hải Yến	10A2	Hoàng Thị Thùy	4	600,000	
35	Hà Đình Ngọc Hải	10A3	Đình Minh Thương	4	600,000	
36	Vì Thị Uyển Nhi	10A3	Vì Văn Hành	4	600,000	
37	Nông Thanh Nghị	10A3	Nông Văn Hiệp	4	600,000	
38	Nông Dương Thụ	10A3	Nông Văn Dũng	4	600,000	
39	Triệu Thanh Thùy	10A3	Triệu Văn Luận	4	600,000	
40	Chu Đức Trọng	10A3	Chu Đình Cả	4	600,000	
41	Dương Thị Ngọc Kiều	10A3	Dương Văn Bắc	4	600,000	
42	Hoàng Thị Nhung	10A3	Hoàng Văn Quốc	4	600,000	
43	Ma Thị Bích Ngọc	10A3	Ma Văn Khiêm	4	600,000	
44	Lê Thanh Tài	10A3	Lê Văn Điểm	4	600,000	
45	Đình Thị Yên Nga	10A3	Đình Văn Thúc	4	600,000	
46	Nông Thị Ngọc Ánh	10A3	Nông Văn Lợi	4	600,000	
47	Đình Tiến Thuật	10A3	Đình Bảo	4	600,000	
48	Hoàng Thị Phương Uyên	10A3	Hoàng Văn Đức	4	600,000	
49	Cao Việt Hải	10A3	Cao Văn Chuẩn	4	600,000	
50	Phan Thị Ngọc	10A3	Phan Thị Ngãi	4	600,000	
51	Hồ Thị Trà My	10A3	Hồ Văn Tiến	4	600,000	
52	Lê Hữu Hồng Tuệ	10A3	Lê Hồng Anh	4	600,000	
53	Nguyễn Hồng Sơn	10A3	Nguyễn Quốc	4	600,000	
54	Nguyễn Thị Như Quỳnh	10A3	Nguyễn Thị Huệ	4	600,000	
55	Trần Thị Thủy Tiên	10A3	Trần Quốc Cường	4	600,000	
56	Đình Nhất Phong	10A3	Đình Văn Dũng	4	600,000	
57	Đồng Thị Thêm	10A4	Chu Thị Thùy	4	600,000	
58	Vì Văn Chúc	10A4	Vì Văn Nam	4	600,000	
59	Chu Thị Thu Hà	10A4	Chu Văn Tường	4	600,000	
60	Nông Thanh Tùng	10A4	Nông Văn Long	4	600,000	
61	Hoàng Thị Dương Tình	10A4	Hoàng Văn Thiêm	4	600,000	
62	Nông Đình Long	10A4	Nông Văn Chá	4	600,000	
63	Hoàng Thị Luyện	10A4	Hoàng Văn Hanh	4	600,000	

	Phạm Viết Bảo Minh	10A4	Phạm Viết Tinh	4	600,000	
	Lường Nhật Tân	10A4		4	600,000	
66	Trương Thị Mỹ Linh	10A4	Trương Văn Thiện	4	600,000	
67	Đinh Thị Trà My	10A4	Cao Văn Thanh	4	600,000	
68	Lê Thị Hương Giang	10A4	Lê Văn Hiến	4	600,000	
69	Nguyễn Mạnh Hùng	10A4	Nguyễn Mạnh Cường	4	600,000	
70	Trần Minh Trọng	10A4	Trần Minh Quý	4	600,000	
71	Nguyễn Trần Hoàng Uyên	10A4	Nguyễn Linh	4	600,000	
72	Nguyễn Đức Hoàn	10A4	Nguyễn Quang Nghiêu	4	600,000	
73	Văn Đình Kháng	10A4	Văn Khiêm	4	600,000	
74	Hoàng Gia Bảo	10A5	Hoàng Văn Sanh	4	600,000	
75	Vi Thị Kim Huệ	10A5	Vi Văn Chương	4	600,000	
76	Nông Văn Lâm	10A5	Nông Văn Dũng	4	600,000	
77	Hoàng Thị Nga	10A5	Hoàng Văn Trọng	4	600,000	
78	Hoàng Đức Nguyên	10A5	Hoàng Văn Thanh	4	600,000	
79	Vi Thị Thủy	10A5	Vi Văn Sơn	4	600,000	
80	Đặng Phước Lộc	10A5	Đặng Phước Thọ	4	600,000	
81	Đinh Thị Kim Ngân	10A5	Đinh Minh Tuyên	4	600,000	
82	Đặng Thị Nhi	10A5	Đặng Văn Chương	4	600,000	
83	Đinh Ngọc Khánh Chi	10A5	Đinh Ngọc Hương	4	600,000	
84	Đinh Việt Đức	10A5	Đinh Hải Quang	4	600,000	
85	Đinh Thị Lanh	10A5	Đinh Bính	4	600,000	
86	Nguyễn Khắc Mạnh	10A5	Nguyễn Khắc Dũng	4	600,000	
87	Đinh Huyền Trà My	10A5	Đinh Quang Tháp	4	600,000	
88	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	10A5	Nguyễn Văn Quốc	4	600,000	
89	Đinh Thị Như Quỳnh	10A5	Đinh Trung Thuận	4	600,000	
90	Đoàn Thị Thùy Trang	10A5	Đoàn Minh Phúc	4	600,000	
91	Ngô Thị Bích Trâm	10A5	Ngô Dũng	4	600,000	
92	Đinh Thị Yến Vi	10A5	Đinh Quang Hới	4	600,000	
93	Lục Thị Kiều Oanh	10A6	Lục Văn Hoàn	4	600,000	
94	Hoàng Thị Diệu	10A6	Hoàng Văn Đạo	4	600,000	

95	Vi Thị Thanh Trang	10A6	Trần Thị Tươi	4	600,000	
96	Nông Triệu Như Thảo	10A6	Nông Văn Thục	4	600,000	
97	Nguyễn Hoàng Lâm	10A6	Nguyễn Hữu Thái	4	600,000	
98	Đinh Bảo Ngọc	10A6	Đinh Hữu Đức	4	600,000	
99	Nguyễn Đức Tường	10A6	Nguyễn Văn Tâm	4	600,000	
100	La Thị Hoài	10A6	La Văn Quốc	4	600,000	
101	Nông Mạnh Quỳnh	10A6	Triệu Thị Thoa	4	600,000	
102	Hoàng Thị Trà My	10A6	Hoàng Văn Huân	4	600,000	
103	Phạm Thị Quý	10A6	Phạm Văn Bằng	4	600,000	
104	Phạm Ngọc Trường Sơn	10A6	Phan Thị Dinh	4	600,000	
105	Trần Tuấn Anh	10A6	Trần Quốc Bảo	4	600,000	
106	Nguyễn Thị Diệu Xuân	10A6	Nguyễn Văn Đồng	4	600,000	
107	Bùi Hữu Hậu	10A6	Bùi Văn Tiến	4	600,000	
108	Hà Văn Đoàn	10A7	Hà Văn Đô	4	600,000	
109	Lưu Thị Hồng	10A7	Lưu Văn Tó	4	600,000	
110	Hoàng Thị Nhi	10A7	Hoàng Văn Quân	4	600,000	
111	Nông Thị Như Quỳnh	10A7	Nông Tài Thanh	4	600,000	
112	Lý Phương Thảo	10A7	Lý Văn Thám	4	600,000	
113	Bế Ngọc Khánh	10A7	Bế Ngọc Tuyền	4	600,000	
114	Nông Triệu Thị Liễu	10A7	Hoàng Thị Bích	4	600,000	
115	Triệu Thị Nghiêm	10A7	Triệu Văn Lan	4	600,000	
116	Lê Thị Yến Ni	10A7	Lê Tấn Văn	4	600,000	
117	Hứa Bội Hải	10A7	Hứa Bội Sơn	4	600,000	
118	Chu Thị Hiền	10A7	Chu Văn Khởi	4	600,000	
119	Đinh Trần Phi Hùng	10A7	Đinh Tiến Dũng	4	600,000	
120	Đinh Long Nhật	10A7	Đinh Văn Chung	4	600,000	
121	Đinh Thị Thu Trang	10A7	Đinh Xuân Cường	4	600,000	
122	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	10A7	Nguyễn Đức Trung	4	600,000	
123	Đỗ Thị Thanh Trúc	10A7	Đỗ Xuân Chinh	4	600,000	
124	Đinh Trường Vũ	10A7	Đinh Hồng Duân	4	600,000	
125	Đinh Thị Thùy Linh	10A7	Đinh Hải Duân	4	600,000	

	Nguyễn Đăng Đô	10A7	Nguyễn Đăng Lưu	4	600,000	
7	Phan Đức Mạnh	10A7		4	600,000	
128	Nguyễn Thị Lan Anh	10A8	Nguyễn Văn Hường	4	600,000	
129	Nguyễn Đức Mạnh	10A8	Nguyễn Văn Nhất	4	600,000	
130	Lương Thị Hà	10A8	Lương Văn Tư	4	600,000	
131	Vi Quốc Hữu	10A8	Vi Văn Hải	4	600,000	
132	Hoàng Thị Xuân Quỳnh	10A8	Hoàng Văn Cầu	4	600,000	
133	Triệu Thị Vân Oanh	10A8	Triệu Văn Mạnh	4	600,000	
134	Bùi Thị Tuyết Nga	10A8	Bùi Thị Loan	4	600,000	
135	H-Dinh K-Nul	10A8	Y Kana Niê	4	600,000	
136	Mông Thị Lành	10A8	Mông Văn Đời	4	600,000	
137	Triệu Thị Quỳnh Trang	10A8	Triệu Hồng Văn	4	600,000	
138	Đinh Công Phong	10A8	Đinh Văn Sơn	4	600,000	
139	Hồ Sỹ Tùng	10A8	Trần Thị Hải Hường	4	600,000	
140	Phan Triệu Phương Linh	10A8	Phan Nhật Lâm	4	600,000	
141	Nguyễn Đức Tuấn	10A8	Nguyễn Đức Kiên	4	600,000	
142	Nguyễn Minh Đức	10A8	Nguyễn Quốc Tuấn	4	600,000	
143	Đinh Thị Lê Na	10A8	Đinh Thiện Chiến	4	600,000	
144	Trịnh Đình Thành	10A8	Trịnh Đình Thiện	4	600,000	
145	Đinh Thị Tuyết Trinh	10A8	Đinh Văn Mỹ	4	600,000	
146	Lê Văn Trường	10A8	Lê Văn Thuận	4	600,000	
147	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	10A8	Nguyễn Đức Thuận	4	600,000	
148	Lê Yến Vy	10A8	Lê Tiên Cường	4	600,000	
149	Trần Tiến Vượng	10A8	Trần Tiến Thịnh	4	600,000	
150	Trần Hải Huy	10A8		4	600,000	
151	Hoàng Thị Thiên	11B1	Hoàng Văn Hang	4	600,000	
152	Phạm Thị Tịnh	11B1	Hoàng Thị Bé	4	600,000	
153	Võ Thanh Huyền	11B1	Nguyễn Thị Ba	4	600,000	
154	Lê Thị Hồng Ánh	11B1	Lê Như Long	4	600,000	
155	Nguyễn Thị Thùy Linh	11B1	Đinh Thị Nhài	4	600,000	
156	Hoàng Thanh Trúc	11B1	Hoàng Văn Nam	4	600,000	

157	Vũ Thị Bích Hạnh	11B1	Vũ Văn Hiến	4	600,000	
158	Văn Đức Đạt	11B1	Văn Đức Sửu	4	600,000	
159	Lê Thị Cẩm Loan	11B1	Lê Văn Ngọc	4	600,000	
160	Trần Văn Vinh	11B1	Trần Văn Thông	4	600,000	
161	Hoàng Thị Ngọc Uyên	11B1	Hoàng Văn Tuấn	4	600,000	
162	Phan Thị Hà Giang	11B1	Phan Đình Lãm	4	600,000	
163	Đinh Nữ Bích Ngọc	11B1	Đinh Hồng Diễn	4	600,000	
164	Vàng Thị Nguyệt Ánh	11B2	Nguyễn Thị Hiền	4	600,000	
165	Vi Thị Ánh	11B2	Vi Văn Thắng	4	600,000	
166	Hà Ngọc Ánh Nguyệt	11B2	Hà Văn Thảo	4	600,000	
167	Hà Thị Thu Hà	11B2	Hà Công Lịch	4	600,000	
168	Hoàng Trung Hiếu	11B2	Hoàng Văn Nhất	4	600,000	
169	Ngân Thị Chúc	11B2	Ngân Văn Soán	4	600,000	
170	La Thị Phương Thanh	11B2	Vi Thu Hiệp	4	600,000	
171	La Thị Miên	11B2	Vi Thu Hiệp	4	600,000	
172	Hà Thị Khiêm	11B2	Đinh Thị Lan	4	600,000	
173	Đặng Minh Hội	11B2	Đặng Văn Hiệu	4	600,000	
174	Hà Ngọc Thành	11B2	Hà Văn Kiêm	4	600,000	
175	Ngô Thị Thanh Hoa	11B2	Ngô Thị Hương	4	600,000	
176	Lê Thị Thu Thảo	11B2	Đinh Thị Hoa	4	600,000	
177	Lê Hoàng Ngọc Thảo	11B2	Hoàng Thị Thủy	4	600,000	
178	Đinh Nữ Tố Uyên	11B2	Đinh Minh Đức	4	600,000	
179	Đinh Thị Trà My	11B2	Đinh Minh Tư	4	600,000	
180	Lê Bá Hậu	11B2	Trần Thị Kim Anh	4	600,000	
181	Đỗ Trọng Đạt	11B2	Đỗ Văn Toàn	4	600,000	
182	Trần Thị Vân Cảnh	11B2	Trần Quang Sơn	4	600,000	
183	Tô Hữu Huỳnh	11B3	Tô Văn Cánh	4	600,000	
184	Nông Văn Khái	11B3	Nông Văn Ún	4	600,000	
185	Nông Thị Mai	11B3	Nông Ngọc Sơn	4	600,000	
186	Lương Thị Kim Thoa	11B3	Lương Văn Lân	4	600,000	
187	Lương Văn Đức	11B3	Lương Văn Khót	4	600,000	

188	Cao Nữ Hồng My	11B3	Cao Xuân Khởi	4	600,000	
189	Ngô Thị Nga	11B3	Ngô Văn Diệp	4	600,000	
190	Mai Nữ Ngọc Nhi	11B3	Mai Văn Anh	4	600,000	
191	Đinh Thị Kim Anh	11B3	Đinh Văn Thư	4	600,000	
192	Đinh Trung Kiên	11B3	Đinh Đức Thiên	4	600,000	
193	Lê Thị Thảo	11B3	Lê Tiến Duyên	4	600,000	
194	Đinh Lê Đức Linh	11B3	Đinh Quang Trương	4	600,000	
195	Nguyễn Đức Tuấn	11B3	Nguyễn Đức Minh	4	600,000	
196	Lò Xuân Đông	11B4	Lò Văn Thủy	4	600,000	
197	Hoàng Minh Lâm	11B4	Hoàng Văn Trọng	4	600,000	
198	La Văn Minh	11B4	La Văn Thắng	4	600,000	
199	Lê Thị Tâm	11B4	Lê Văn Diễm	4	600,000	
200	Nông Văn Quốc	11B4	Nông Văn Hùng	4	600,000	
201	Lý Thị Thơm	11B4	Lý Viết Tuấn	4	600,000	
202	Ma Thị Ngọc Anh	11B4	Ma Thị Chiên	4	600,000	
203	Hà Văn Trường	11B4	Hà Văn Nghị	4	600,000	
204	Trần Quang Đại	11B4	Trương Thị Dung	4	600,000	
205	Phan Trà My	11B4	Phan Văn Quyết	4	600,000	
206	Phan Triệu Hạ Vy	11B4	Phan Nhật Lâm	4	600,000	
207	Trần Mạnh Dũng	11B4	Võ Thị Lâm	4	600,000	
208	Hoàng Thành Đạt	11B4	Trương Thị Mỹ Lệ	4	600,000	
209	Đinh Nữ Kim Oanh	11B4	Đinh Xuân Lương	4	600,000	
210	Phạm Thị Thu Thảo	11B4	Phạm Thanh Long	4	600,000	
211	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	11B4	Nguyễn Thông	4	600,000	
212	Lê Văn Xuân	11B4	Lê Văn Thuận	4	600,000	
213	Đinh Vi Anh Đào	11B4	Đinh Xuân Ngô	4	600,000	
214	Võ Thị Duyên	11B4	Võ Văn Xin	4	600,000	
215	Lục Thị Thanh	11B5	Lục Văn Vinh	4	600,000	
216	Hà Thị Hương Lê	11B5	Hà Thị Đào	4	600,000	
217	Lái Thị Như Quỳnh	11B5	Đinh Thị Huế	4	600,000	
218	Nông Thị Khánh Đoan	11B5	Nông Văn Định	4	600,000	

219	Lò Văn Quang	11B5	Ma Thị Hòa	4	600,000	
220	Hoàng Thị Vĩ	11B5	Hoàng Văn Quân	4	600,000	
221	Đinh Nữ Tú Trinh	11B5	Đinh Minh Hải	4	600,000	
222	Phạm Thị Lan	11B5	Phạm Thị Mai	4	600,000	
223	Cao Thị Hoài Na	11B5	Cao Xuân Thành	4	600,000	
224	Lê Văn Hải	11B5	Lê Văn Long	4	600,000	
225	Đinh Thị Hồng Nhung	11B5	Đinh Tiến Thường	4	600,000	
226	Nguyễn Quang Quân	11B5	Nguyễn Thị Tuyết	4	600,000	
227	Hoàng Gia Bảo	11B5	Hoàng Văn Lộc	4	600,000	
228	Võ Văn Thiện	11B5	Lê Thị Lệ	4	600,000	
229	Trịnh Thị Mỹ Trinh	11B5	Trịnh Ngọc Lâm	4	600,000	
230	Phan Nữ Tố Trinh	11B5	Phan Thanh Long	4	600,000	
231	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	11B5	Lê Thị Kim Chi	4	600,000	
232	Nguyễn Thị Thanh Lam	11B5	Nguyễn Công Anh	4	600,000	
233	Phạm Văn Tân	11B5	Phạm Thị Út	4	600,000	
234	Hoàng Văn Thành	11B5	Hoàng Văn Thảo	4	600,000	
235	Phan Thị Ái Nhân	11B5	Trần Thị Thanh	4	600,000	
236	Hà Hữu Đang	11B6	Hà Văn Thiên	4	600,000	
237	Lê Văn Luyến	11B6	Lê Văn Chung	4	600,000	
238	Chào Tiến Phú	11B6	Chào A Pính	4	600,000	
239	Nông Hoàng Thông	11B6	Nông Văn Nhân	4	600,000	
240	Hà Thị Kim Tuyến	11B6	Hà Văn Yếu	4	600,000	
241	Hoàng Thị Vân	11B6	Hoàng Văn Tuấn	4	600,000	
242	Lâm Thị Hồng	11B6	Lâm Du	4	600,000	
243	Nguyễn Thị Ái Mây	11B6	Thái Thị Ái Phi	4	600,000	
244	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	11B6	Nguyễn Văn Hòa	4	600,000	
245	Nguyễn Thị Hồng Thơm	11B6	Nguyễn Đình Tiến	4	600,000	
246	Hà Thị Việt Trinh	11B6	Hà Văn Việt Khôi	4	600,000	
247	Hoàng Thành Công	11B6	Hoàng Xuân Thanh	4	600,000	
248	Lê Thị Thu Hà	11B6	Lê Văn Nam	4	600,000	
249	Nguyễn Đình Thanh Hiền	11B6	Đinh Thị Huệ	4	600,000	

250	Đoàn Thị Thu Huyền	11B6	Đoàn Văn Dũng	4	600,000	
251	Nguyễn Thị Mai Hương	11B6	Nguyễn Văn Toa	4	600,000	
252	Hoàng Xuân Nhật	11B6	Hoàng Trung	4	600,000	
253	Ngô Hồng Nhung	11B6	Ngô Hồng Phong	4	600,000	
254	Triệu Thị Thùy Trang	12C1	Triệu Văn Lan	4	600,000	
255	Vi Thị Lập Nghiệp	12C1	Vi Văn Chức	4	600,000	
256	Nguyễn Anh Tú	12C1	Nguyễn Công Hoan	4	600,000	
257	Nguyễn Quốc Cường	12C1	Hồ Thị Hồng	4	600,000	
258	Nguyễn Phạm Văn Mùi	12C1	Nguyễn Ngọc Danh	4	600,000	
259	Ngô Thị Bích Phương	12C1	Trần Thị Hà	4	600,000	
260	Phan Thị Ngọc Huyền	12C1	Phan Viết Hà	4	600,000	
261	Phan Thị Anh Đào	12C1	Phan Đình	4	600,000	
262	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	12C1	Nguyễn Văn Quốc	4	600,000	
263	Nguyễn Thị Thùy Linh	12C1	Nguyễn Hữu Sinh	4	600,000	
264	Phạm Thị Kiều Ly	12C1	Phạm Văn Trọng	4	600,000	
265	Hoàng Thị Mây	12C1	Hoàng Văn Lý	4	600,000	
266	Nguyễn Thị An Nhân	12C1	Nguyễn Trường Giang	4	600,000	
267	Đinh Ngọc Cẩm Nhi	12C1	Đinh Văn Chung	4	600,000	
268	Nguyễn Thị Khánh Nhi	12C1	Nguyễn Trọng Xoan	4	600,000	
269	Nguyễn Phi Nhung	12C1	Nguyễn Phi Khanh	4	600,000	
270	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	12C1	Nguyễn Thạnh	4	600,000	
271	Đinh Thị Diễm Quỳnh	12C1	Đinh Xuân Hậu	4	600,000	
272	Huỳnh Văn Thuận	12C1	Huỳnh Văn Trọng	4	600,000	
273	Hà Yên Bình	12C2	Hà Văn Chiêu	4	600,000	
274	Lục Văn Bộ	12C2	Lục Văn Thọ	4	600,000	
275	Đàm Văn Cầu	12C2	Đàm Văn Hà	4	600,000	
276	Lục Thị Dung	12C2	Lục Văn Thành	4	600,000	
277	Vi Thị Duyên	12C2	Vi Văn Tiến	4	600,000	
278	Phùng Quốc Đoàn	12C2	Phùng Văn Vọt	4	600,000	
279	Nông Văn La	12C2	Nông Văn Khánh	4	600,000	
280	Hoàng Thị Thảo Nhi	12C2	Hoàng Văn Giang	4	600,000	

281	Ma Thị Như	12C2	Ma Văn Nền	4	600,000	
282	Mã Thị Huyền	12C2	Mã Văn Tiến	4	600,000	
283	Đỗ Anh Đài	12C2	Đỗ Thanh Bình	4	600,000	
284	Hà Minh Toàn	12C2	Hà Văn Tuấn	4	600,000	
285	Trần Quý	12C2	Trần Hiệp	4	600,000	
286	Hoàng Thị Hoài	12C2	Hoàng Sinh	4	600,000	
287	Đình Thị Ngọc Ánh	12C2	Đình Văn Sơn	4	600,000	
288	Lê Viết Anh	12C2	Lê Viết Quyền	4	600,000	
289	Nguyễn Văn Tuấn Anh	12C2	Nguyễn Văn Hưng	4	600,000	
290	Trần Văn Đình	12C2	Trần Nhung	4	600,000	
291	Trần Tuấn Quang	12C2	Trần Quốc Bảo	4	600,000	
292	Đinh Nữ Thùy Tiên	12C2	Đinh Tiến Dũng	4	600,000	
293	Đỗ Văn Sang	12C2	Đỗ Hạ	4	600,000	
294	Nguyễn Văn Chung	12C2	Nguyễn Văn Vượng	4	600,000	
295	Nguyễn Thị Huyền	12C2	Nguyễn Văn Sắc	4	600,000	
296	Nguyễn Trà My	12C2	Nguyễn Đình Lượng	4	600,000	
297	Lý Thị Phương Hoài	12C3	Lý Viết Tuấn	4	600,000	
298	Vi Thị Kim Hồng	12C3	Vi Văn Lũng	4	600,000	
299	Lải Văn Hùng	12C3	Lải Văn Chu	4	600,000	
300	Vi Thị Lệ	12C3	Vi Văn Uy	4	600,000	
301	Vi Văn Mười	12C3	Vi Văn Tuấn	4	600,000	
302	Vi Thị Thắm	12C3	Vi Văn Bình	4	600,000	
303	Nguyễn Thị Ninh	12C3	Nguyễn Văn Chuyên	4	600,000	
304	Ma Thị Hồng Nhi	12C3	Ma Văn Kiến	4	600,000	
305	Lê Thị Hồng Nhung	12C3	Lê Đình Hợi	4	600,000	
306	Trần Thị Hồng Vân	12C3	Trần Vũ Dân	4	600,000	
307	Trần Thị Mai Anh	12C3	Trần Thế Đức	4	600,000	
308	Trần Thị Vân Anh	12C3	Đình Thị Hồng Lam	4	600,000	
309	Nguyễn Thị Hiền	12C3	Nguyễn Văn Cầm	4	600,000	
310	Trần Thanh Hoài	12C3	Trần Đình Thích	4	600,000	
311	Lê Thị Thùy Linh	12C3	Lê Trung Thời	4	600,000	

312	Trần Thị Phương Linh	12C3	Trần Xuân Thịnh	4	600,000	
313	Phan Hải Long	12C3	Phan Hải Quảng	4	600,000	
314	Phan Thị Cẩm Ly	12C3	Phan Song Hào	4	600,000	
315	Đinh Thị Hương Mẫn	12C3	Đinh Văn Tiền	4	600,000	
316	Phạm Thị Thảo Nguyên	12C3	Phạm Văn Bình	4	600,000	
317	Đinh Nguyễn Huyền Trinh	12C3	Đinh Minh Thu	4	600,000	
318	Đinh Phi Vũ	12C3	Đinh Thế Hùng	4	600,000	
319	Hoàng Thị Thanh Phương	12C3	Hoàng Văn Phụng	4	600,000	
320	Đàm Văn Chở	12C4	Đàm Văn Danh	4	600,000	
321	Âu Thị Huệ	12C4	Âu Văn Ân	4	600,000	
322	Vi Thị Thu Nguyệt	12C4	Vi Văn Ngoãn	4	600,000	
323	Ma Văn Trường	12C4	Ma Văn Sơn	4	600,000	
324	Lục Thị Hồng Nhung	12C4		4	600,000	
325	Lương Xuân Tuyết	12C4	Lương Văn Ảnh	4	600,000	
326	Vi Thị Nguyệt	12C4	Vi Văn Cương	4	600,000	
327	Đinh Ngọc Trâm	12C4	Đinh Mạnh Hùng	4	600,000	
328	Nguyễn Thị Hồng Khuyên	12C4	Nguyễn Văn Nam	4	600,000	
329	Nguyễn Thị Trang	12C4	Nguyễn Văn Long	4	600,000	
330	Đinh Thị Cẩm Ly	12C4	Đinh Xuân Hiền	4	600,000	
331	Phan Thúy Nhi	12C4	Phan Gia Thu	4	600,000	
332	Lê Anh Đào	12C4	Lê Văn Hương	4	600,000	
333	Trần Anh Khương	12C4	Trần Anh Tuấn	4	600,000	
334	Đinh Công Nghĩa	12C4	Nguyễn Thị Anh	4	600,000	
335	Nguyễn Thị Nhã	12C4	Nguyễn Văn Liệu	4	600,000	
336	Phan Nguyễn Hồng Nhung	12C4	Phan Văn Phẩm	4	600,000	
337	Ngô Thị Thúy Như	12C4	Ngô Văn Cầu	4	600,000	
338	Bùi Viết Thành	12C4	Bùi Viết Dũng	4	600,000	
339	Phan Duy Thạch	12C4	Phan	4	600,000	
340	Ngô Thị Bảo Trâm	12C4	Ngô Lợi	4	600,000	
341	Trần Thị Ngọc Trâm	12C4	Trần Vinh	4	600,000	
342	Lê Thị Kim Trinh	12C4	Lê Bá Phi	4	600,000	

343	Nguyễn Thị Hải Yến	12C4	Vi Thị Hồng	4	600,000	
344	Đàm Văn Che	12C5	Đàm Văn Danh	4	600,000	
345	Lương Thị Quỳnh Chi	12C5	Lương Văn Chúc	4	600,000	
346	Hoàng Quốc Cường	12C5	Hoàng Văn Trọng	4	600,000	
347	Vi Ngọc Hân	12C5	Vi Văn Hương	4	600,000	
348	Lương Thị Thu Hoài	12C5	Lương Thị Cảnh	4	600,000	
349	Phạm Thị Thùy Linh	12C5	Phạm Văn Triều	4	600,000	
350	Phạm Bá Nghĩa	12C5	Phạm Bá Huyền	4	600,000	
351	Nguyễn Thị Ngọc	12C5	Nguyễn Văn Tâm	4	600,000	
352	Đinh Thị Kim Oanh	12C5	Đinh Hồng Văn	4	600,000	
353	Nông Thế Phương	12C5	Nông Văn Thượng	4	600,000	
354	Sầm Văn Quý	12C5	Sầm Văn Vụ	4	600,000	
355	Hoàng Thị Hồng Thắm	12C5	Hoàng Văn Thiêm	4	600,000	
356	Lò Văn Trường	12C5	Lò Văn Thép	4	600,000	
357	Ma Thị Ánh Tuyết	12C5	Ma Văn Xuân	4	600,000	
358	Vi Phi Giáp	12C5	Vi Văn Tụ	4	600,000	
359	Đinh Thị Cẩm Ly	12C5	Đinh Xuân Hương	4	600,000	
360	Đinh Thị Như Quỳnh	12C5	Đinh Xuân Hương	4	600,000	
361	Đinh Thị Kiều Trinh	12C5	Đinh Văn Nam	4	600,000	
362	Phạm Thị Khánh Vy	12C5	Phạm Minh Mẫn	4	600,000	
363	Trần Thị Linh Thi	12C5	Trần Công Thành	4	600,000	
364	Nguyễn Duy Tuấn	12C5	Nguyễn Duy Phúc	4	600,000	
365	Nguyễn Văn Chung	12C5	Nguyễn Duy Phương	4	600,000	
366	Phan Gia Kiệt	12C5	Phan Xuân Thuận	4	600,000	
367	Hoàng Thị Kiều Phương	12C5	Hoàng Văn Sơn	4	600,000	
368	Lê Quân	12C5	Lê Quang	4	600,000	
369	Lê Thị Ngọc Tâm	12C5	Lê Thị Ngọc Lan	4	600,000	
370	Trần Thị Thơm	12C5	Trần Văn Quế	4	600,000	
371	Huỳnh Thị Thu Trang	12C5	Huỳnh Chính	4	600,000	
372	Hoàng Thị Ngọc Trâm	12C5	Hoàng Đắc Danh	4	600,000	
373	Lê Vũ Huyền Vi	12C5	Lê Văn Hiền	4	600,000	

374	Lê Thị Quỳnh Như	12C5	Lê Quý	4	600,000	
-----	------------------	------	--------	---	---------	--

Bằng chữ: Hai trăm năm mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng.

KÊ TOÁN

Nguyễn Đức Vinh

Krông Năng, ngày 30.. tháng 9 năm 2021.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Hữu Hải